TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:03/2017/KDTM -ST
Ngày: 3/4/2017
Về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Hà Trọng Khá.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Linh – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 3/4/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2016/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2015/QĐXX-ST ngày 10/3/2017.

Nguyên đơn: Ngân hàng NV; Địa chỉ: đường T, phường M, quận L, thành phố Hà Nội do ông P – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh chi nhánh thành phố T, tỉnh Phú Yên là đại diện theo ủy quyền. Địa chỉ: đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Nguyễn Thị M - sinh năm 1977 (*Có mặt tại phiên tòa),* và Nguyễn S - sinh năm 1972 (*Vắng mặt tại phiên tòa*); Cùng địa chỉ: đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải người đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 02/10/2014, Ngân hàng NV, chi nhánh Thành phố T có ký kết hợp đồng tín dụng số 4607LAV201401739 với vợ chồng bị đơn Nguyễn Thị M và Nguyễn S với số tiền vay là 380.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích kinh doanh tạp hoá, vải, quần áo. Tính đến ngày 11/01/2017, bị đơn Nguyễn Thị M và Nguyễn S còn nợ nguyên đơn số tiền: 503.890.556 đồng; trong đó: tiền gốc là 380.000.000 đồng; Tiền lãi là 123.890.556 đồng (Trong đó lãi trong hạn: 103.106.700 đồng; Lãi quá hạn: 30.363.100 đồng)

Để bảo đảm khoản vay này các bên đã lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 40/09/HĐTC, theo đó bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất tại địa

chỉ: Khu phố 1, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 933013 do UBND thành phố Tuy Hoà cấp ngày 23/6/2010; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00135; thửa đất số 103, tờ bản đồ số 84, diện tích 234 m^2. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Thống nhất quá trình vay và thế chấp tài sản đảm bảo như nguyên đơn đã trình bày; Từ lúc vay cho đến nay vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị đơn không trả được tiền gốc và lãi. Bị đơn chấp nhận nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu nhưng xin được trả dần khoảng 7.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hết nợ.

Nay tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 380.000.000 đồng và tiền lãi 138.056.112 đồng (Gồm lãi trong hạn từ ngày 02/10/2014 cho đến ngày 2/4/2017 theo mức lãi 11% là 106.125.556 đồng và lãi quá hạn từ ngày 02/10/2015 cho tới ngày 3/4/2017 theo mức lãi suất 150%/năm (5.50) lãi suất trong hạn là 31.930.556 đồng); trong trường hợp bị đơn không trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn S, Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng NV, chi nhánh Thành phố T số tiền 380.000.000 đồng và tiền lãi cho đến ngày Tòa xét xử theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà đã triệu tập hợp lệ bị đơn Nguyễn S để xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Võ Cần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 02/10/2014, Ngân hàng NV, chi nhánh Thành phố T có ký kết hợp đồng tín dụng số 4607LAV201401739 với vợ chồng bị đơn Nguyễn Thị M và Nguyễn S với số tiền vay là 380.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích kinh doanh tạp hoá, vải, quần áo. Để bảo đảm khoản vay này các bên đã lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 40/09/HĐTC, theo đó bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Khu phố 1, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 933013 do UBND thành phố Tuy Hoà cấp ngày 23/6/2010; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00135; thửa đất số 103, tờ bản đồ số 84, diện tích 234 m^2. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị.

Từ ngày vay cho đến nay bị đơn không trả được tiền gốc và lãi. Tại phiên tòa, bị đơn chấp nhận nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu nhưng xin được trả dần khoảng 7.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hết nợ nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; buộc bị đơn Nguyễn S, Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng NV, chi nhánh Thành phố T số tiền 380.000.000 đồng và tiền lãi 138.056.112 đồng (Gồm lãi trong hạn từ ngày 02/10/2014 cho đến ngày 2/4/2017 theo mức lãi 11% là 106.125.556 đồng và lãi quá hạn từ ngày 02/10/2015 cho tới ngày 3/4/2017 theo mức lãi suất 150%/năm (5.50) lãi suất trong hạn là 31.930.556 đồng); Trong trường hợp bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn Nguyễn S, Nguyễn Thị M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Các điều 357; 463; 466; 468; 470 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NV, chi nhánh Thành phố T, buộc bị đơn Nguyễn S, Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng NV số tiền 138.056.112 đồng (Gồm lãi trong hạn là 106.125.556 đồng và lãi quá hạn là 31.930.556 đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong trường hợp bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Khu phố 1, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 933013 do UBND thành phố Tuy Hoà cấp ngày 23/6/2010; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00135; thửa đất số 103, tờ bản đồ số 84, diện tích 234 m^2. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nói trên thì phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng NV, chi nhánh Thành phố T và bị đơn tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn S, Nguyễn Thị M phải chịu 25.042.244 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 11.449.650 đồng vì đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền số 004486 ngày 23/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn Nguyễn S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TP.Tuy Hòa;
-TAND tỉnh Phú Yên;
-Sở Tư pháp
-Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thúy Hằng